

ĐI TÌM CẢM QUAN ĐỒNG TÍNH TRONG MỘT SỐ SÁNG TÁC VĂN XUÔI VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG TỪ LÝ THUYẾT LỆCH PHA (QUEER THEORY)

Lê Thị Thủy

Khoa Ngữ văn - Địa lý

Email: thuylt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/10/2018

Ngày PB đánh giá: 13/11/2018

Ngày duyệt đăng: 17/12/2018

TÓM TẮT

Văn xuôi Việt Nam giai đoạn trước 1945 viết về đồng tính luyến ái tuy ít về số lượng nhưng thực sự đã đặt ra một tra vấn nghiêm túc về việc có hay không thứ “cảm quan đồng tính” tồn tại trong lòng nó. Với những biểu hiện tâm lý phức tạp và đa dạng của dục cảm biến dị, cảm quan đồng tính trong văn xuôi Việt thời kỳ này cần phải cầu viện đến một lối đọc đặc biệt vốn được khởi xuất từ lý thuyết lệch pha để phát lộ. Đi tìm cảm quan đồng tính qua một số trường hợp cá biệt như *Sống mòn*, *Người bán ngọc*, *Hồn bướm mơ tiên*... để xác nhận về một hình thái dục tính mang tư cách thiểu số trong bộ phận văn xuôi trước Cách mạng là mục đích của bài viết.

Từ khóa: cảm quan đồng tính, lý thuyết lệch pha, trước Cách mạng, văn xuôi.

EXPLORING HOMOEROTICISM IN VIETNAMESE PROSE OF THE PRE - AUGUST REVOLUTION FROM QUEER THEORY PERSPECTIVES

ABSTRACT

Despite the limited numbers, the Vietnamese prose on homosexuality in the pre-August Revolution has raised a concern of whether homoeroticism exists. Due to the complexity of psychological moods and the diversity of sex senses, homoeroticism should be examined from the light of a special reading known as Queer Theory. The purpose of this article is to investigate homoeroticism embedded in such well-known literature works as *Sống mòn*, *Người bán ngọc*, and *Hồn bướm mơ tiên* to reveal the sexual orientation of the small population in the Vietnamese prose of preAugust Revolution.

Keywords: homoeroticism, Queer Theory, pre-August Revolution, Vietnamese prose.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiều dài lịch sử văn chương, bởi những điều kiện xã hội đặc biệt, bộ phận văn xuôi viết về hiện tượng đồng tính tại Việt Nam đã đi trên một lộ trình quanh co và khó khăn. Không giống như những dòng văn học phổ biến và *bình thường* khác được cộng đồng đón nhận, văn học về đồng tính tự nó đã phải tìm chỗ trú ẩn để tồn tại – dưới dạng thức này hoặc khác. Nhìn trên nét đại thể, có thể thấy, việc nhìn nhận về tình trạng đồng tính được các nhà văn Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đến trước Đổi mới tiếp cận trên hai trên phương diện: hành vi đồng tính và tâm lý, cảm xúc đồng tính. Vì đặc điểm của thời đại, số lượng tác phẩm đề cập đến đồng tính từ góc độ xã hội học hành vi không nhiều. Những trường hợp như phóng sự *Hà Nội làm than* của Trọng Lang (1937), tiểu thuyết *Hầu Thánh* của Lộng Chương (1942), truyện ngắn *Thủ đoạn* của Vũ Trọng Phụng (1931) hay tiểu thuyết *Khung rêu* của Nguyễn Thị Thụy Vũ (in năm 1969) có thể xem là những ví dụ tiêu biểu nhất.

Ngược lại, nhóm thứ hai, vì nhiều lý do, đã không trực tiếp mô tả cảm quan đồng tính bằng thứ tư duy trực quan sinh động mà chọn lối tiếp cận trung gian (những “chuyển vị” theo chữ dùng của nhà nghiên cứu Nguyễn Quốc Vinh) để chuyển đến người đọc những thông tin mang ý nghĩa hàm ngôn – thứ ý nghĩa cần một sự tinh tế và bén nhạy để hiểu. Cũng vì chỉ nói bằng uyển ngữ nên những tác phẩm thuộc nhóm này đã trở thành đề tài gây tranh cãi trong dư luận nghiên cứu nhiều năm. Việc tiếp cận bằng lý thuyết “queer” trên một số văn bản liên quan (*Người bán ngọc* – Lê Hoàng Mưu, *Hồn bướm mơ tiên* – Khái Hưng, *Sống mòn* – Nam Cao...) thực sự gợi mở cho chúng tôi

nhiều suy nghĩ về khái niệm cảm quan đồng tính – đầu mối của các bất đồng.

Trong khuôn khổ của bài báo, chúng tôi xin được bàn đến bộ phận văn xuôi thuộc nhóm hai (tâm lý, cảm xúc đồng tính hay còn được gọi bằng khái niệm “cảm quan đồng tính”).

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đôi nét về lý thuyết lệch pha, văn học “queer” và cảm quan đồng tính

Lý thuyết lệch pha (*Queer Theory* – còn được biết đến với tên gọi là “đồng tính luận”) xuất hiện lần đầu tiên tại Anh, Mỹ vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, sau đó nhanh chóng được đón nhận và phổ biến rộng rãi, trở thành tâm điểm giảng dạy trong các trường đại học cũng như chủ đề nóng của các tạp chí. Mẹ đẻ của học thuyết – bà Teresa de Lauretis, được xem là trường hợp điển hình cho sự chuyển tách từ chủ nghĩa nữ quyền sang một phạm vi nghiên cứu hẹp hơn, liên quan đến phong trào đấu tranh giải quyền lực nam giới. Ban đầu, thuyết lệch pha chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu của nó trong hai lĩnh vực đồng tính nam và đồng tính nữ (Gay/lesbian Studies), về sau, còn quan tâm tới cả chuyển giới tính học (Transgender Studies).

Nói tới các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực lệch pha học, không thể không kể đến Annamarie Jagose – giảng viên cao cấp của Đại học Melbourne, tác giả của công trình nổi tiếng *Dẫn nhập lý thuyết lệch pha* (*Queer theory – An introduction*). Công trình này đã trở thành một tài liệu tham khảo quan trọng trong công tác nghiên cứu và tìm hiểu về đồng tính không chỉ trong phạm vi nước Mỹ mà đã lan ảnh hưởng sang cả các nước khu vực Á, Âu. Như tên gọi của nó, công trình đưa ra cách hiểu khác về tình dục đồng tính cùng các bản dạng của nó thông

qua thuật ngữ mang một nội hàm đa nghĩa “queer”, với quan niệm giản dị là “phạm trù bao trùm về liên minh tự định danh tính dục bên lề văn hóa – một thứ mô hình lý thuyết mới ra đời đã ly khai khỏi thuyết đồng tính truyền thống” [6;1].

Bản thân khái niệm “queer” theo nguyên gốc có nghĩa chỉ sự khác biệt, kỳ quặc (bao hàm cả nét nghĩa của hai từ “strange” và “odd”), sau phái sinh dùng để chỉ những người đồng tính nam (gay). Trong một số trường hợp, “queer” vẫn được dùng song song với “gay” mà không có sự khác biệt. Ở Việt Nam, thuật ngữ này còn khá xa lạ, chủ yếu mới được giới thiệu bởi số ít các nhà nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực giới và đồng tính. Trong bài viết, chúng tôi sử dụng cụm từ “văn học queer” từ gợi ý công trình *Văn học queer ở Việt Nam: hướng đến một dòng văn học thiểu số* của nhà nghiên cứu Trần Ngọc Hiếu (Trường ĐH Sư phạm Hà Nội) với ý nghĩa chỉ bộ phận văn học viết về tình trạng mơ hồ và lệch chuẩn về giới tính vô cùng đa dạng trong đời sống và trong văn chương hiện đại. Theo đó, văn chương viết về đề tài đồng tính không chỉ là thứ văn học được viết bởi các tác giả thuộc cộng đồng những người đồng tính (LGBT), về các nhân vật trong con mắt của số đông là những kẻ bất toàn về bản sắc giới tính mà cần hiểu là một dòng văn học đặc biệt bao quát tất cả những biểu hiện về “tình trạng mơ hồ và xu hướng lệch chuẩn về giới tính” [1; 53], có thể có vô vàn hình thức tồn tại, hoặc rõ rệt như quan hệ tình dục đồng giới, hiện tượng giả nam/ giả nữ, hiện tượng bị thiên hoặc chỉ đơn thuần là những xúc cảm đồng giới nhấn mạnh vào “tâm lý và mỹ quan thay vì vào hành vi của sự kích thích, hấp dẫn cùng phái” [9; 1]. Các thuật ngữ như “yếu tố queer”, “lối đọc queer”

cũng nằm trong trường nghĩa này, được mở rộng từ khái niệm “văn học queer”. Những bài viết về văn học “queer” của tác giả Trần Ngọc Hiếu có thể xem như một động thái của người đi khai sơn phá thạch, đã đưa ra một cách hiểu cởi mở khác với quan điểm xưa cũ có phần cứng nhắc về khái niệm văn học đồng tính và rộng hơn là văn học “queer”.

Cảm quan đồng tính (Homoeroticism): Đây là khái niệm chúng tôi mượn lại của các nhà nghiên cứu đi trước để mô tả những trường hợp không có dấu hiệu rõ ràng về luyến ái đồng giới (nhất là ở hành vi tình dục), nhưng lại có biểu hiện tâm lý của dục cảm biến dị. Thuật ngữ này đặc biệt tỏ ra hữu ích để khoanh vùng một số sáng tác văn xuôi Việt Nam giai đoạn trước Cách mạng, vốn thường ẩn sau một lớp nguy trang uyển ước do vậy trở nên mập mờ, khó hiểu khiến người xem bối rối.

2.2. Những cảm quan đồng tính trong văn xuôi Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX từ góc nhìn “queer” (lệch pha)

Nếu chỉ nhìn trên nội dung để suy đoán, ngay từ đầu việc điếm diện các tác phẩm thuộc hàng kinh điển trên rất có thể sẽ làm nhiều người sững sờ, và bất bình. Nhất là đối với *Sống mòn*. Tất cả các ý kiến đánh giá từ trước tới nay về giá trị của tác phẩm này là điều không phải bàn cãi. Những bi kịch đời sống, bi kịch tinh thần của tầng lớp trí thức Việt Nam đêm trước Cách mạng với đầy đủ tính chân thực và khốc liệt của nó đã được ngòi bút thiên tài của văn học hiện thực thế hệ thứ tư thời kỳ 30-45 phản ánh xuất sắc. Chúng tôi không có ý định nói tiếp về điều này, chỉ lưu ý về một tình tiết nhỏ vẫn thường bị bỏ qua, có lẽ vì ai cũng nghĩ nó chẳng có giá trị gì trong toàn bộ cuộc đời phẫn tinh thần của nhân vật. Đó là đoạn tả

cảnh hai ông giáo Thứ và San sau khi hoàn thành xong việc dọn đồ đạc đến chỗ ở mới (nhà ông Học) một cách lén lút “như một cô gái chữa hoang đi đê” [3; 167], đợi cho anh người làm Mô và những người khác đã ra về, “Thứ vội vàng đóng cửa ngay. Y và San cởi quần áo ngoài, tháo giày, ngả lưng xuống giường (...). Bỗng San xoay nghiêng người, vòng tay ôm ngực Thứ. Thứ chực hắt ra, nhưng San cưỡng lại:

- Im! Tôi bảo... Nằm trong cái buồng kín đáo này, anh có cảm tưởng gì không?

Thứ tắc lưỡi:

- Cũng hơi dễ chịu.

- Đã đành. Nhưng tôi thì hơi tức: tức một cái là hai thằng đực cả. Giá một thằng là trai, một thằng là gái thì có phải tuyệt không. Cái phòng này vừa cho một cặp.

San áp má sát tai Thứ, xô người lại, khe khẽ rên những tiếng rên “hu...hu...u...u...”. Thứ không thích thế, nhưng cũng không cự lại. (...) Thấy Thứ nằm ngậy ra, mặc kệ cho mình vuột ve nũng nịu, San bạo dạn hơn. Thứ sực tỉnh, đẩy mạnh y ra...

- Anh làm trò gì thế?

San nũng nịu:

- Lắng im, nào!...Im, em bảo...

- Thôi đi!” [3; 170].

Một đoạn văn nếu không có những đối thoại tiếp tục sau đó, mà ở đây nhân vật San tự thanh minh sự bất bình thường có phần quá khích trong hành vi của mình (bắt chước Đích lúc ôm Oanh) thì sẽ khiến người đọc vô cùng bối rối. Nhưng nếu dùng lối đọc “*queer*” để tiếp cận như một cách gọi ý, sẽ thấy những phức cảm đằng sau hành động của San.

Thứ nhất, cử chỉ âu yếm và lời nói có chiều lơ lả mà San dành cho Thứ, kết

hợp với câu đùa bốn chân thật “Giá một thằng là trai, một thằng là gái thì có phải tuyệt không” khi San áp sát thân thể với Thứ cho phép người ta có thể nghĩ đến một biểu hiện của mô thức chuyển vị của dục cảm đồng tính theo tinh thần mà nhà nghiên cứu Nguyễn Quốc Vinh đã dẫn ra. Tuy dựa trên một bối cảnh lâm thời mang tính cợt nhả về chuyện ái ân trai gái nhưng những ước ao của San (cùng tình cờ là ý nghĩ của Thứ về người vợ ở quê nhà) đã được chuyển vị vào trong một không gian gợi sự liên tưởng về đôi lứa riêng tư (căn phòng nhỏ vừa vặn cho một cặp) hướng đến một khát khao ảo vọng về hạnh phúc gia đình bị những dồn nén tâm sinh lý thúc bách (ở đoạn sau, San bình luận về việc làm vô tình của cặp đôi Đích và Oanh khiến San bứt rứt “Xa vợ luôn mấy tháng rồi. Họ làm thế thì có chết mình không.” [2; 171]).

Hành vi mang cảm quan tính dục đồng giới của San đối với Thứ càng tiến xa hơn khi San tiếp tục để cho cơn khoái lạc tinh thần (niềm vui được tự do thoát khỏi những đụng chạm tòn mún đè hèn hàng ngày với Oanh lúc còn ở chung tại trường) dẫn dắt hành động. “San bạo dạn hơn”. Nhưng nhà văn cũng chỉ tả đến thế, để mặc trí tưởng tượng của người đọc tha hồ bay bổng. Câu nói sảng của Thứ đã cắt đứt niềm mê mên khoan khoái, lôi San về với thực tế phũ phàng cay đắng về tình thế khó khăn và thiếu thốn hơi ấm gia đình của hai người. Phức cảm tính dục đồng giới vì thế cũng chấm dứt nhưng ấn tượng về nó vẫn luân quần trong tâm trí người đọc.

Ở một khía cạnh khác, hành vi đụng chạm đầy nhạy cảm một mặt vừa phản ánh sự căng thẳng của xác thịt, mặt khác lại mang tính chất của thứ tình bạn “tri kỷ” giữa hai người đàn ông đã lâu ngày gần bó,

chung đụng ăn ở, chia sẻ với nhau từ những ước mơ lớn lao lẫn những toan tính nhỏ nhen đời thường. Tại sao trong một cuốn tiểu thuyết hiện thực làm người đọc bức bối và ngột ngạt khi dõi theo cuộc sống lê thê đếm bằng chán nản, vô vọng của những giáo khổ trường tư lại “lẫn” vào vài đoạn gây hoang mang như vậy? Chúng tôi cho rằng, những gì mà hậu thế đã ca ngợi Nam Cao như một thiên tài số một về miêu tả tâm lý của văn xuôi hiện đại Việt Nam hoàn toàn đúng, nhưng hẳn là trong lời khen ngợi ấy không chắc đã bao hàm một hiểu biết tường tận và sâu xa về những trác tuyệt đến tể vi của ngòi bút Nam Cao, khi ông muốn phơi ngỏ đến tận lớp tế bào xúc cảm của thế giới nội tâm con người - vốn phức tạp và thường khiến người ta hay ngộ nhận.

Nhiều nhà tâm lý hiện đại cho rằng bản thân hiện tượng đồng tính “không chỉ là việc hai người đồng giới chia sẻ với nhau những cảm xúc sinh lý mà đó còn là sự yêu thương, chia sẻ cả về tâm hồn, tính cách và những giá trị tình cảm cho nhau” [7]. Quan điểm này hẳn sẽ tạo ra một tiền đề thích hợp để chúng ta xem xét lại một vài mối quan hệ đồng giới hoặc có hình thức bên ngoài đồng giới vô cùng đặc biệt trong lịch sử văn chương thực tế và giả tưởng.

Được xem là nhà văn đầu tiên khai mở dòng văn chương dục tính một cách thực sự tại Việt Nam, cái tên Lê Hoằng Mưu khiến người ta nghĩ ngay đến tác phẩm “gây nhiều tai tiếng” *Hà Hương phong nguyệt* (còn có tên là *Truyện nàng Hà Hương* – 1915) khiến cho tác giả của nó trở thành một hiện tượng đặc biệt trên văn đàn thập niên ba mươi thế kỷ XX: vừa được hoan nghênh vừa bị lên án. Hoan nghênh bởi công chúng và lên án bởi Tòa án. Những tháng sau việc tiêu hủy 750 cuốn *Hà Hương* đang lưu hành, Lê

Hoằng Mưu sẽ thôi không viết “dâm thư” “có hại cho phong hóa dân tộc” nữa thì hơn chục năm sau, sự ra đời của *Người bán ngọc* (1931) khẳng định chủ kiến không dễ bị lung lạc của nhà văn khi vẫn trung thành với chủ đề tính dục “xuất phát từ một sự hiểu lạ trong đề tài hơn là muốn tìm thấy ở đó một hệ giá trị mới, một diễn ngôn mới” [2; 266].

Bằng hình thức của một tiểu thuyết chương hồi cổ điển, sử dụng phổ biến lối văn biền ngẫu, *Người bán ngọc* thuật lại chuyện tình “hoan hỉ kỳ oan” giữa chàng thiếu niên phong lưu Tô Thường Hậu và một mệnh phụ trẻ tuổi. Vô tình gặp mặt trong một lần vãn cảnh chùa, Tô Thường Hậu ngay lập tức bị dung mạo đoan trang của Hồ phu nhân (vợ Hồ Quốc Thanh – đề đốc Tô Châu đang đi dẹp loạn cát đảng) làm cho mê mẩn. Chàng trở về lập kế tiếp cận bằng được Hồ phu nhân. Nhờ sự giúp đỡ của mẹ bán tơ, họ Tô cải trang thành người phụ nữ bán ngọc quý, đem ngọc vào dâng cho Hồ phu nhân, kiếm có làm sở ngọc để ở lại qua đêm và bắt đầu một mối tình vụng trộm kéo dài hơn hai năm với nàng. Cuộc tình đi ngược lại giáo huấn cương thường của hai con người đam mê sắc dục Tô Thường Hậu và Hồ phu nhân trong *Người bán ngọc* với một kết thúc bi kịch: người chết, kẻ bị đi lưu đầy có lẽ cũng vẫn nằm trong thông điệp cảnh thức chung mà Lê Hoằng Mưu muốn gửi đến người đọc, nhưng với việc sử dụng mô típ giả trang không mấy xa lạ, nhà văn cùng một lúc làm được mấy việc: vừa tạo cho nhân vật một vỏ bọc, vừa lấy cớ để tiếp tục đẩy các tình tiết truyện lên hồi cao trào, lại đồng thời hé lộ những bí mật về cái gọi là “mối quan hệ đồng giới giữa những nữ nhân thời phong kiến”.

Để hợp thức hóa chuyện đi lại giữa mình và Hồ phu nhân, Tô Thường Hậu đã

tính toán từng đường đi nước bước thật cẩn thận. Trong quá trình theo sát các bước đi của họ Tô, nhà văn đã phô bày một đỉnh cao của nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật mà ở đó các lớp lang của một mưu kế tình ái vô cùng tinh vi được bóc mở dần dần. Không chỉ tỉ mỉ trong sắp đặt mưu toan, họ Tô còn khéo bịa ra một lai lịch thân thế éo le để chiếm niềm thương hại của Hồ phu nhân (lấy chồng từ lúc trẻ, chưa đầy hai năm, chồng chết, phải chịu thân góa bụa). Khi Hồ phu nhân khuyên nên tái giá để hợp ý hóa công, họ Tô lại trình bày: “...Tiện thiếp giữ tiết thờ chồng, là tại ngán ngẫm sự tình (...) luống sợ đời chẵn gối” bởi vì “phận tề mi lắm nỗi đắng cay” [4; 507].

Tuy nhiên, trong câu chuyện làm quà, Tô Thường Hậu (lúc này đang cải trang làm gái) đã thổ lộ với Hồ nhân về “kế mầu dùng để cản ngăn ái tình, ngày đêm đeo đuổi theo hoài, khuya sớm chẵn chẵn buộc mãi” [4; 509] của các tiết phụ xưa, mà theo đó cái bí quyết “giải phá sầu tình, mà không thất tiết” chính là “coi trong chị em bạn gái người nào đẹp đẽ, thích tình, đem về làm bạn gối chẵn, sớm khuya chung chạ. Lâu ngày quen thuộc nét nhau rồi, thương yêu nhau hơn vợ với chồng, nồng mặn hơn tình với nghĩa” [4; 511].

Rõ ràng là, câu chuyện “lấy nghĩa chị em giải nỗi tắt tình chẵn gối” mà Tô Thường Hậu đem ra dẫn dụ Hồ phu nhân trong ngữ cảnh này có ý nghĩa của một cái cớ thỏa đáng tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết thân giữa hai người nhưng ẩn sau nó phải chăng vẫn là một lịch sử dài khuất lấp có dính dáng đến thứ dục cảm đồng giới luôn ẩn nấp đâu đó trong đời sống nhân loại, chỉ chờ cơ hội là bùng nổ? Bản thân Hồ phu nhân chính là một ví dụ của sự thực hành các dục cảm đồng tính ấy. Không biết Tô

Thường Hậu giả gái, Hồ phu nhân khi nghe về kế mầu nhiệm “ngoài cũng có vẻ mằn vặt, cười cười nói nói hai má ửng đỏ, coi ý người lạ áp yêu, nên ngoài cũng có chiều lơ lả” [4; 512], không nê chấp “những lúc nằm ngòai đi đứng, cạ về kề vai, cười nói lả lơi, vui giỡn như tình phu phụ” [4; 514].

Có thể thấy, những trang viết “nóng bỏng” của Lê Hoàng Mưu về vấn đề dục tính trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam buổi giao thời chưa đoạn tuyệt hoàn toàn tư tưởng khắc kỷ, khắc dục Tống Nho chính là nguyên nhân của những xôn xao trong dư luận. Tình yêu dị tính (Tô Thường Hậu – Hồ phu nhân) vượt qua khuôn khổ lễ giáo trong trường hợp *Người bán ngọc* đã phải mượn đến hình hài của tình yêu đồng tính nữ (câu chuyện về các vị *swong phụ*) để biểu lộ. Đến lượt mình, tình yêu đồng giới không thể tự nó đương đầu với phán xét của dư luận cũng phải tìm cách ẩn núp trong sự chính danh của những mối quan hệ bạn bè giữa những người cùng giới tính (Hồ phu nhân – người bán ngọc). Một tình tiết nhưng chứa đựng ý nghĩa về hai cấm kỵ tình dục: một phổ biến (ngoại tình), một thiểu số (đồng tính) nhưng đều là tiêu điểm của sự phê phán. Ý nghĩa xã hội của *Người bán ngọc* vì thế có thể nói đã rộng lớn hơn các tác phẩm từng có của Lê Hoàng Mưu.

Có nhà nghiên cứu cho rằng, xét về nội dung của tác phẩm cũng như hoàn cảnh ra đời của nó, hoàn toàn có thể nghi ngờ *Người bán ngọc* không phải là một sáng tác mà là một tác phẩm phỏng dịch. Điều này nếu được chứng minh sẽ khiến người ta phải suy nghĩ nghiêm túc hơn về những tác động của yếu tố ngoại lai đến những tự sự đồng tính hoặc cảm quan đồng tính giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX ở Việt Nam.

Liên quan đến hiện tượng đảo trang (transvestism), công trình nghiên cứu thú vị

của học giả Nguyễn Quốc Vinh về *những nhục thể biến dị và các động thái chuyển vị của dục cảm đồng tính* được tìm thấy trong văn chương Việt đã tiếp cận tiểu thuyết *Hồn bướm mơ tiên* (Khái Hưng) ở khía cạnh sự vi phạm “các căn cước giới tính và hệ hình phái tính nhị phân”, từ đó chỉ ra sự tồn tại có thực của khái niệm “đạo vị giới tính” có truyền thống từ thời *Quan Âm Thị Kính*. Dù chỉ ra đời sau *Người bán ngọc* một năm nhưng *Hồn bướm mơ tiên* đã làm độc giả đương thời bị chinh phục hoàn toàn bởi lối hành văn trong sáng, gãy gọn và rất trữ tình theo đúng tôn chỉ mà nhóm Tự lực đã đề xuất. Một cốt truyện đơn sơ mang chở tinh thần lãng mạn chủ nghĩa về “thứ tình dưới bóng Từ bi” như Nhất Linh đã nhận xét, đã khiến đương thời luôn phải bận lòng về “những câu hỏi khó khăn và sâu xa về sự tranh chấp giữa *tu* và *tục*, giữa *đạo* và *đời*, giữa *tình yêu* và *tôn giáo*” [8]. Chàng thư sinh Ngọc vì duyên phận gặp chú tiểu Lan (thực ra là nữ nhi cải dạng xuất gia) trong khung cảnh nên thơ thoát tục ở một ngôi chùa cổ vùng trung du Bắc bộ và nhanh chóng quyến luyến. Hình dáng bên ngoài của tiểu Lan ngay từ đầu đã khiến Ngọc băn khoăn “Quái lạ! Sao ở vùng nhà quê lại có người đẹp trai đến thế, nước da trắng mát, tiếng nói dịu dàng trong trẻo như tiếng con gái” [5; 14]. Những nghi ngờ ấy cộng với thiện cảm ban đầu đã thôi thúc Ngọc tìm mọi cách gần Lan ngõ hầu dụ ép Lan phải bộc lộ thân phận là gái mà chàng có nhiều căn cứ khẳng định. Bịa ra giấc chiêm bao suồng sã về Lan, cố ý vẽ chân dung Lan như một mỹ nhân để ngấm tở cho Lan biết tình ý của mình, Ngọc tranh thủ cả những cơ hội để được tiếp cận thể xác (nắm tay, ngã vào lòng), thậm chí không ngại giả bộ tán tỉnh Vân *Thị Mầu* để khơi lòng ghen ở Lan. Cuối cùng, trong lần nghỉ lại chùa Long Vân,

khát khao thấy chân tướng thật người tình trong mộng của Ngọc cũng toại nguyện, khi mà trong lúc cả hai mãi giằng co, “áo dài, áo ngắn của Lan đều tuột cúc, trễ vạt ra” và Ngọc “thoáng trông thấy ngực Lan quần vải nâu” [5; 90]. Nhưng trí tò mò chưa kịp hả hê, chàng lại đối diện ngay với sự hồi hận: “Đó, cố tìm cho biết hắn là gái, phỏng có ích lợi gì? Để vậy còn thú, chứ thế này thì không biết chừng...” [5; 91]. Câu nói của Ngọc khiến người xem còn đang phân vân có hay không một cảm quan đồng tính tình vi dưới lốt đạo trang thì ngay sau đó, lời trần tình của chàng với Lan “Tôi xin thú thật với ni cô rằng tôi yêu ni cô, tôi yêu ngay từ lúc còn tưởng ni cô là trai.” [5; 92] đã cho độc giả nhiều sở cứ về sự dịch chuyển nhục cảm biến dị ở một ái tình lý tưởng phi xác thịt.

Một tiểu thuyết tình yêu mang âm hưởng hiện đại ngắn ngủi, tầm trăm trang giấy nhưng lại khiến các nhà phê bình cả đương thời và sau này tốn nhiều giấy mực. Sử dụng mô típ quen thuộc trong văn chương là sự đảo trang, Khái Hưng đã khiến *Hồn bướm mơ tiên* vượt ra ngoài hiểu biết thông thường về một diễn ngôn tình yêu bị thử thách bởi tôn giáo, biến nó trở thành “lịch sử của những bí mật ngay trong bản văn, đôi lúc tưởng chừng như vén mở tất cả mọi điều bí mật, đôi lúc người đọc tưởng chừng khám phá ra hết bí mật – dường như bí mật có đó và không có ở đó” [8]. Với những chiêu kích sâu xa ấy, *Hồn bướm mơ tiên* khiến chúng tôi nghĩ đến một dạng câu thai, câu đồ nói như cách của Bernard Eikhenbaum, “một tiểu thuyết khác không được viết ra” liên quan đến những điều bị cấm đoán.

Những biểu hiện của cảm quan đồng tính ở mặt tâm lý mỹ quan qua một số trường hợp cá biệt như *Sống mòn*, *Người bán ngọc*, *Hồn bướm mơ tiên* kể trên dù ít ỏi nhưng

vẫn góp tiếng nói xác nhận về những dấu hiệu của một hình thái dục tính mang tư cách thiểu số. Cho dù còn khá mơ hồ, chúng tôi vẫn cho rằng, việc dùng một cách đọc “queer” có khả năng mở ra một cánh cửa khác để tiếp cận văn chương, nhất là những tác phẩm thuộc về quá khứ.

3. Kết luận

Trước Cách mạng, hoàn cảnh xã hội Việt Nam với những thăng trầm và biến động được hiểu như một bối cảnh bất lợi cho việc phát lộ của cộng đồng LGBT, kéo theo hệ quả tương tự trong các lĩnh vực liên quan như văn chương đồng tính. Bởi đặc thù mang tính xã hội học ấy, văn xuôi đề tài đồng tính, nói chính xác hơn là liên quan đến đồng tính càng khiến chúng tôi phải mượn cách quan niệm lỏng và động của thuật ngữ văn

học “queer” để hình dung về nó. Ở đó, xét về đại thể, những tác phẩm kiểu này không chỉ ít về số lượng mà còn làm cho người đọc nó phải bối rối, băn khoăn vì những phức cảm “queer” hoặc rải rác hoặc xuyên suốt nội dung tư tưởng tác phẩm. Một cách tiếp cận linh động và mềm dẻo được gợi ý từ hệ thống lý thuyết lệch pha học chính là cơ sở ban đầu cho chúng tôi mạnh dạn triển khai những suy nghĩ của mình. Việc đi tìm những cảm quan đồng tính trong văn chương Việt Nam trước Đổi mới, hoặc xa hơn là trước Cách mạng cũng như phác thảo diện mạo mảng văn xuôi Việt Nam viết về đề tài đồng tính đương nhiên mới chỉ là sơ khởi. Nghiên cứu về đề tài đồng tính trong văn chương nói chung, do đó là một vấn đề mở, đang chờ đợi nhiều góp bàn, đánh giá công tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Hiếu (2014), ‘Văn học queer hướng đến một dòng văn học thiểu số ở Việt Nam’, *Tạp chí Tia sáng*, số 1, tr 53-55.
2. Trần Văn Toàn (2009), ‘Diễn ngôn tính dục trong văn xuôi hư cấu Việt Nam (từ đầu thế kỷ 20 đến 1945)’, *Nghiên cứu văn học Việt Nam những khả năng và thách thức*, Tủ sách KHXH do viện Harvard Yenching tài trợ, tr. 247-300.
3. Nam Cao (1997), *Tuyển tập Nam Cao* (tập 2), NXB Văn học, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả (1999), *Văn xuôi Nam Bộ nửa đầu thế kỷ 20 (tập 1)*, Cao Xuân Mỹ sưu tầm, Mai Quốc Liên giới thiệu, NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, TP. Hồ Chí Minh.
5. Khải Hưng (2014), *Hồn bướm mơ tiên*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
6. Jagose A.(2001), *Queer theory An introduction*, New York University Press, New York.
7. Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh (2011), ‘Đồng tính dưới ba góc nhìn: y học, tâm lý và tôn giáo’, Tọa đàm *Đồng tính: tình yêu, hôn nhân và những trăn trở*.
8. Đặng Phùng Quân (2016), *Khải Hưng từ Hồn bướm mơ tiên đến Băn khoăn*, 5/2018, <http://www.gio-o.com/Tet/Tet2016DangPhungQuan.htm>.
9. Nguyen Quoc Vinh (1997), ‘Deviant Bodies and Dynamics of Displacement of Homoerotic Desire in Vietnamese Literature from and about the French Colonial Period (1858-1954)’, *talawas*, 1/1/1990, <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=1056&rb=0503>.